UBND PHƯỜNG KIM THANH
TRƯỜNG MN NHẬT TÂN

TỔNG HỢP THEO DÕI TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG CỦA TRẺ
Tháng 3 năm 2026

STT	Tên lớp	TS trẻ dự cân - đo		Theo dõi cân nặng				Theo dõi chiều cao(dài)				Theo dõi cân nặng theo chiều cao(dài)											
		TS	Nữ	Trẻ bình thường		SDD thể cân nặng		Trẻ bình thường		SDD thể thấp còi		TS trẻ theo dõi CN theo CC		Trẻ thừa cân		Trẻ béo phì		Trẻ bình thường		SDD thể gầy còm		SDD thể gầy còm MĐ nặng	
				TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	Nữ	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
1	NT A	31	12	31	100,00	0	0,00	31	100,00	0	0,00	31	12	0	0	0	0,00	31	100,00	0	0	0	0
2	NT B	31	13	30	96,77	1	3,23	30	96,77	1	3,23	30	13	0	0	0	0,00	30	100,00	0	0	0	0
3	NT C	31	13	31	100,00	0	0,00	30	96,77	1	3,23	31	13	0	0	0	0,00	31	100,00	0	0	0	0
4	NT D	32	16	31	96,88	1	3,13	32	100,00	0	0,00	31	16	1	3	0	0,00	30	96,77	0	0	0	0
5	NT E	20	9	20	100,00	0	0,00	20	100,00	0	0,00	20	9	0	0	0	0,00	20	100,00	0	0	0	0
Tổng NT		145	63	143	98,62	2	1,38	143	98,62	2	1,38	143	63	1	1	0	0,00	142	99,30	0	0	0	0
0	A5	34	20	34	100,00	0	0,00	34	100,00	0	0,00	34	20	0	0,00	0	0,00	34	100,00	0	0	0	0
2	B5	33	11	33	100,00	0	0,00	33	100,00	0	0,00	33	11	0	0	0	0,00	33	100,00	0	0	0	0
3	C5	34	11	34	100,00	0	0,00	33	97,06	1	2,94	34	11	0	0,00	0	0,00	34	100,00	0	0	0	0
0	D5	35	18	35	100,00	0	0,00	35	100,00	0	0,00	34	18	0	0,00	0	0,00	34	100,00	0	0	0	0
5	E5	36	13	36	100,00	0	0,00	36	100,00	0	0,00	36	13	0	0,00	0	0,00	36	100,00	0	0	0	0
6	G5	34	20	33	97,06	1	2,94	33	97,06	1	2,94	33	19	0	0,00	0	0,00	33	100,00	0	0	0	0
7	H5	35	15	35	100,00	0	0,00	35	100,00	0	0,00	35	15	1	2,86	0	0,00	34	97,14	0	0	0	0
Tổng 5 tuổi		241	108	240	99,59	1	0,41	239	99,17	2	0,83	240	107	1	0,42	0	0,00	239	99,58	0	0	0	0
1	A4	33	21	33	100,00	0	0,00	32	96,97	1	3,03	33	21	1	3	0	0,00	32	96,97	0	0	0	0
2	B4	30	14	30	100,00	0	0,00	29	96,67	1	3,33	30	14	1	3,33	1	3,33	28	93,33	0	0	0	0
3	C4	33	17	32	96,97	1	3,03	32	96,97	1	3,03	32	16	0	0,00	0	0,00	32	100,00	0	0	0	0
1	D4	32	13	32	100,00	0	0,00	31	96,88	1	3,13	32	13	0	0	1	3,13	31	96,88	0	0	0	0
5	E4	32	17	32	100,00	0	0,00	32	100,00	0	0,00	32	17	2	6	0	0,00	30	93,75	0	0	0	0
6	G4	35	17	35	100,00	0	0,00	34	97,14	1	2,86	35	17	2	6	1	2,86	32	91,43	0	0	0	0
Tổng 4 tuổi		195	99	194	99,49	1	0,51	190	97,44	5	2,56	194	98	6	3,09	3	1,55	185	95,36	0	0	0	0
1	A3	23	16	23	100,00	0	0,00	22	95,65	1	4,35	23	16	0	0,00	0	0,00	23	100,00	0	0	0	0
2	B3	23	9	22	95,65	1	4,35	23	100,00	0	0,00	22	8	1	4,55	0	0,00	21	95,45	0	0	0	0

STT	Tên lớp	TS trẻ dự cân - đo		Theo dõi cân nặng				Theo dõi chiều cao(dài)				Theo dõi cân nặng theo chiều cao(dài)											
		TS	Nữ	Trẻ bình thường		SDD thể cân nặng		Trẻ bình thường		SDD thể thấp còi		TS trẻ theo dõi CN theo CC		Trẻ thừa cân		Trẻ béo phì		Trẻ bình thường		SDD thể gầy còm		SDD thể gầy còm MĐ nặng	
				TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	Nữ	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
3	C3	27	16	27	100,00	0	0,00	27	100,00	0	0,00	27	16	0	0,00	0	0,00	27	100,00	0	0	0	0
4	D3	24	10	24	100,00	0	0,00	22	91,67	2	8,33	24	10	0	0,00	0	0,00	24	100,00	0	0	0	0
5	E3	23	15	23	100,00	0	0,00	23	100,00	0	0,00	20	15	0	0,00	0	0,00	20	100,00	0	0	0	0
6	G3	27	11	26	96,30	1	3,70	25	92,59	2	7,41	26	11	1	3,85	0	0,00	25	96,15	0	0	0	0
Tổng 3 tuổi		147	77	145	98,64	2	1,36	142	96,60	5	3,40	145	76	2	1,38	0	0,00	143	98,62	0	0	0	0
Tổng MG		583	284	579	99,31	4	0,69	571	97,94	12	2,06	579	281	9	1,55	3	0,52	567	97,93	0	0	0	0
Tổng chung		728	347	722	99,18	6	0,82	714	98,08	14	1,92	722	344	10	1,39	3	0,42	709	98,20	0	0	0	0

Kim Thành, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thủy

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG KINH THÀNH TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG MẦM NON NHẬT TÂN

Nguyễn Thị Trung Hiếu

Scanned with CamScanner

UBND Phường Kim Thanh
Trường Mầm non Nhật Tân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỐNG KÊ KẾT QUẢ CÂN ĐO SỨC KHOẺ
THÁNG 3/2026 - NĂM HỌC 2025-2026

STT	Lớp	Tổng HS	TS trẻ được cân đo		CÂN NẶNG								CHIỀU CAO								CÂN NẶNG THEO CHIỀU CAO									
					Cân nặng hơn so với tuổi		Bình thường		SDD thể nhẹ cân		SDD thể nhẹ cân mức độ nặng		Cao hơn so với tuổi		Bình thường		SDD thể thấp còi		SDD thể thấp còi mức độ nặng		Thừa cân		Béo phì		Bình thường		SDD thể gầy còm nặng		SDD thể gầy còm	
			Tổng	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ
3-12 tháng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13-24 tháng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25-36 tháng		145	145	63	0	0	143	61	2	2	0	0	0	0	143	62	2	1	0	0	1	2	0	0	142	60	0	0	1	1
1	Nhà trẻ A	31	31	12	0	0	31	12	0	0	0	0	0	0	31	12	0	0	0	0	0	0	0	0	31	12	0	0	0	0
2	Nhà trẻ B	31	31	13	0	0	30	12	1	1	0	0	0	0	30	12	1	1	0	0	0	0	0	0	31	13	0	0	0	0
3	Nhà trẻ C	31	31	13	0	0	31	13	0	0	0	0	0	0	30	13	1	0	0	0	0	0	0	0	31	13	0	0	0	0
4	Nhà trẻ D	32	32	16	0	0	31	15	1	1	0	0	0	0	32	16	0	0	0	0	1	2	0	0	29	13	0	0	1	1
5	Nhà trẻ E	20	20	9	0	0	20	9	0	0	0	0	0	0	20	9	0	0	0	0	0	0	0	0	20	9	0	0	0	0
Toàn trường		145	145	63	0	0	143	61	2	2	0	0	0	0	143	62	2	1	0	0	1	2	0	0	142	60	0	0	1	1
Tỉ lệ (%)			100,00	43,45	0,00	0,00	98,62	42,07	1,38	1,38	0,00	0,00	0,00	0,00	98,62	42,76	1,38	0,69	0,00	0,00	0,69	1,38	0,00	0,00	97,93	41,38	0,00	0,00	0,69	0,69

Phường Kim Thanh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Hiệu trưởng

U.B.N.D PHƯỜNG KIM THANH TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON NHẬT TÂN

Nguyễn Thị Trung Hiếu

UBND Phường Kim Thanh
Trường Mầm non Nhật Tân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỐNG KÊ KẾT QUẢ CÂN ĐO SỨC KHOẺ
THÁNG 3/2026 - NĂM HỌC 2025-2026

STT	Lớp	Tổng HS	TS trẻ được cân đo		CÂN NẶNG								CHIỀU CAO								CÂN NẶNG THEO CHIỀU CAO									
					Cân nặng hơn so với tuổi		Bình thường		SDD thể nhẹ cân		SDD thể nhẹ cân mức độ nặng		Cao hơn so với tuổi		Bình thường		SDD thể thấp còi		SDD thể thấp còi mức độ nặng		Thừa cân		Béo phì		Bình thường		SDD thể gầy còm nặng		SDD thể gầy còm	
			Tổng	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ	SL	Nữ
3-4 tuổi		147	147	77	0	0	145	75	2	2	0	0	0	0	142	72	5	5	0	0	2	0	0	0	144	76	0	0	1	1
1	A3	23	23	16	0	0	23	16	0	0	0	0	0	0	22	15	1	1	0	0	0	0	0	0	23	16	0	0	0	0
2	B3	23	23	9	0	0	22	8	1	1	0	0	0	0	23	9	0	0	0	0	1	0	0	0	21	8	0	0	1	1
3	C3	27	27	16	0	0	27	16	0	0	0	0	0	0	27	16	0	0	0	0	0	0	0	0	27	16	0	0	0	0
4	D3	24	24	10	0	0	24	10	0	0	0	0	0	0	22	8	2	2	0	0	0	0	0	0	24	10	0	0	0	0
5	E3	23	23	15	0	0	23	15	0	0	0	0	0	0	23	15	0	0	0	0	0	0	0	0	23	15	0	0	0	0
6	G3	27	27	11	0	0	26	10	1	1	0	0	0	0	25	9	2	2	0	0	1	0	0	0	26	11	0	0	0	0
4-5 tuổi		195	195	99	1	1	193	98	1	0	0	0	0	0	190	96	5	3	0	0	6	3	3	2	186	94	0	0	0	0
7	A4	33	33	21	0	0	33	21	0	0	0	0	0	0	32	20	1	1	0	0	1	0	0	0	32	21	0	0	0	0
8	B4	30	30	14	0	0	30	14	0	0	0	0	0	0	29	13	1	1	0	0	1	1	1	0	28	13	0	0	0	0
9	C4	33	33	17	0	0	32	17	1	0	0	0	0	0	32	17	1	0	0	0	0	0	0	0	33	17	0	0	0	0
10	D4	32	32	13	1	1	31	12	0	0	0	0	0	0	31	12	1	1	0	0	0	0	1	1	31	12	0	0	0	0
11	E4	32	32	17	0	0	32	17	0	0	0	0	0	0	32	17	0	0	0	0	2	1	0	0	30	16	0	0	0	0
12	G4	35	35	17	0	0	35	17	0	0	0	0	0	0	34	17	1	0	0	0	2	1	1	1	32	15	0	0	0	0
5-6 tuổi		241	241	108	0	0	240	107	1	1	0	0	0	0	239	106	1	1	1	1	1	0	0	0	240	108	0	0	0	0
13	A5	34	34	20	0	0	34	20	0	0	0	0	0	0	34	20	0	0	0	0	0	0	0	0	34	20	0	0	0	0
14	B5	33	33	11	0	0	33	11	0	0	0	0	0	0	33	11	0	0	0	0	0	0	0	0	33	11	0	0	0	0
15	C5	34	34	11	0	0	34	11	0	0	0	0	0	0	33	10	1	1	0	0	0	0	0	0	34	11	0	0	0	0
16	D5	35	35	18	0	0	35	18	0	0	0	0	0	0	35	18	0	0	0	0	0	0	0	0	35	18	0	0	0	0
17	E5	36	36	13	0	0	36	13	0	0	0	0	0	0	36	13	0	0	0	0	0	0	0	0	36	13	0	0	0	0
18	G5	34	34	20	0	0	33	19	1	1	0	0	0	0	33	19	0	0	1	1	0	0	0	0	34	20	0	0	0	0
19	H5	35	35	15	0	0	35	15	0	0	0	0	0	0	35	15	0	0	0	0	1	0	0	0	34	15	0	0	0	0
Toàn trường		583	583	284	1	1	578	280	4	3	0	0	0	0	571	274	11	9	1	1	9	3	3	2	570	278	0	0	1	1
Tỉ lệ (%)			100,00	48,71	0,17	0,17	99,14	48,03	0,69	0,51	0,00	0,00	0,00	0,00	97,94	47,00	1,89	1,54	0,17	0,17	1,54	0,51	0,51	0,34	97,77	47,68	0,00	0,00	0,17	0,17

Phường Kim Thanh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Hiệu trưởng

U.B.N.D PHƯỜNG KIM THANH T. NINH BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON NHẬT TÂN

Nguyễn Thị Trung Hiếu